

Khoái Châu, ngày 18 tháng 12 năm 2020

Số: 231/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN  
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐỒNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 267/2020/TLST - HNGĐ ngày 06/11/2020, giữa:

**\* Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị A - Sinh năm: 1990

Quê quán: xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

Hộ khẩu thường trú: thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên

**\* Bị đơn:** anh Trần Văn B - Sinh năm: 1984

HKTT và trú tại: thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Trần Thị C, sinh ngày 05/02/2010

- Cháu Trần Xuân D, sinh ngày 28/01/2012

Người giám hộ cho cháu C và cháu D: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn B (bố, mẹ đẻ các cháu).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82; 83; 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 10/12/2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đồng sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/12/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đồng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn B.

**2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đồng sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn B cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

## **2.2. Về con chung:**

Giao cả hai con chung là cháu Trần Thị C, sinh ngày 05/02/2010 và cháu Trần Xuân D, sinh ngày 28/01/2012 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày 10/12/2020 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; quyền được thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

**2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình:** Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

**2.4. Về án phí:** Chị A tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp theo Biên lai số: AA/2019/0002424 ngày 06/11/2020, chị A được hoàn trả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**THẨM PHÁN**

Nơi nhận :

- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- UBND xã Việt Hòa;
- L- u HSVA.

**ĐÀO DUY TRĨNH**